

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN K  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST  
Ngày 09 – 8 - 2023  
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đỗ Khắc Toàn

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Tạ Thị Hải và bà Võ Thị Phương Linh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đinh Hải Biển – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K – Gia Lai tham gia phiên tòa:**  
Ông Nay San – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 14/2023/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 02 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị Th, sinh năm 1989. Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn T, xã U, huyện K, tỉnh Gia Lai.

**- Bị đơn:** Anh Trần Văn T, sinh năm 1983. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn T, xã Uar, huyện K, tỉnh Gia Lai.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**1. Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn chị Phạm Thị Th trình bày:**

**- Về hôn nhân:** Tôi và T tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã U, huyện K, tỉnh Gia Lai theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 21 ngày 27/8/2008. Thời gian đầu chung sống có hạnh phúc. Nhưng sau đó tôi và anh T không tìm được tiếng nói chung và không có hạnh phúc, nhiều mâu thuẫn phát sinh và càng lớn dần, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt trầm trọng. Anh T ham mê cờ bạc, gái gú ảnh hưởng đến kinh tế gia đình, ngày càng chơi lớn

hơn, nhiều lần cầm xe vay mượn tiền tôi là người đi chuộc về và trả nợ thay cho anh T. Năm 2021 tôi có làm đơn ly hôn nhưng anh T hứa thay đổi, xin lỗi nên tôi rút đơn về. Nhưng sau đó anh T vẫn chứng nào tật nấy không thay đổi. Hiện chúng tôi đã sống ly thân được hơn 04 tháng kể từ ngày nộp đơn. Tôi nhận thấy đời sống hôn nhân không thể kéo dài, không thể chung sống được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, nay tôi không còn tình cảm với anh T nên đề nghị quý Toà cho tôi được ly hôn với anh Trần Văn T.

- *Về con chung*: Vợ chồng chúng tôi có 02 con chung là Trần Phạm Hà L, sinh ngày 03/3/2008 và Trần Mạnh Đ, sinh ngày 30/6/2013. Khi ly hôn tôi nhận nuôi dưỡng 02 con.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Tùy thuộc anh T, tôi không yêu cầu.

- *Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản*: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

## **2. Bị đơn anh Trần Văn T trong quá trình giải quyết vụ án không có ý kiến, trình bày gì gửi cho Tòa án nên không có trình bày gì.**

Phát biểu ý kiến sau phần tranh luận, Kiểm sát viên cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên toà Hội đồng xét xử (sau đây gọi tắt là HĐXX) cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên toà cho đến trước khi nghị án; đương sự cũng có thái độ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật tố tụng.

*Về hôn nhân*: Chị Th và anh T đã tìm hiểu và lấy nhau trên cơ sở tình cảm tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục và đăng ký kết hôn tại UBND xã U, huyện K, tỉnh Gia Lai vào ngày 27/8/2008. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Nhưng sau đó chị Th và anh T không tìm được tiếng nói chung và không có hạnh phúc, nhiều mâu thuẫn phát sinh và càng lớn dần, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt trầm trọng. Hiện nay chị Th và anh T đã sống ly thân được hơn 04 tháng. Nay thấy đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn tình cảm nên chị Th đề nghị Tòa án được ly hôn với anh T trước pháp luật.

Căn cứ vào văn bản xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng của UBND xã U ngày 16/2/2023. Khẳng định vợ chồng chị Th và anh T sống hạnh phúc được một thời gian đầu, nhưng sau phát sinh mâu thuẫn. Hiện nay chị Th và anh T đã sống ly thân.

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Th và anh T đã đến mức mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy chị Th yêu cầu ly hôn với anh T trước pháp luật là phù hợp với quy định tại 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

*Về con chung:* Chị Th và anh T có 02 con chung là Trần Phạm Hà L, sinh ngày 03/03/2008 và Trần Mạnh Đ, sinh ngày 30/6/2013. Khi ly hôn chị Th có nguyện vọng nhận nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Căn cứ vào biên bản nghị nhận ý kiến của con trên 07 tuổi là Trần Mạnh Đ, sinh ngày 30/6/2013 và Trần Phạm Hà L, sinh ngày 03/3/2008 thì các con đều có nguyện vọng muốn ở với mẹ là chị Th.

*Về tài sản chung và nợ chung:* Chị Th không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn anh T trong thời hạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa hôn nay, Tòa án đã triệu tập hợp lệ và tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng không có mặt và cũng không có bất chứng cứ lời khai gì, đã từ bỏ quyền lợi của mình do vậy không có cơ sở để xem xét.

Từ các phân tích nêu trên, căn cứ các Điều 28, 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (Sau đây gọi tắt là BLTTDS); Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

*Về hôn nhân:* Chị Phạm Thị Th và anh Trần Văn T được ly hôn trước pháp luật.

*Về con chung:* Giao 02 con chung chưa thành niên là Trần Mạnh Đ và Trần Phạm Hà L cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, anh T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản:* Không yêu cầu giải quyết nên không có xem xét.

*Về án phí ly hôn:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/ 2016, ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Th phải chịu là 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 của BLTTDS và nguyên đơn chị Phạm Thị Th khởi kiện bị đơn anh Trần Văn T có nơi cư trú thôn T, xã U, huyện K, tỉnh Gia Lai nên Tòa án nhân dân huyện K thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 40 của BLTTDS.

[2] *Về thủ tục tố tụng:*

Tòa án đã tổng đạt các thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn anh

T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do vậy, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của BLTTDS. HĐXX chỉ căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án để quyết định, bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của BLTTDS.

*[3] Về hôn nhân:*

Chị Phạm Thị Th và anh Trần Văn T có thời gian tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 27/8/2008 tại UBND xã U, huyện K, tỉnh Gia Lai. Do đó hôn nhân giữa chị Phạm Thị Th và anh Trần Văn T là hợp pháp.

Chị Th cho rằng trong quá trình chung sống thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng về sau này cuộc sống gia đình phát sinh mâu thuẫn, tính tình không hòa hợp nhau về mọi mặt, không có cùng quan điểm sống, không cùng chí hướng để xây dựng hạnh phúc gia đình. Hiện chị Th và anh Th không còn chung sống với nhau. Tại đơn đề nghị xác nhận tình trạng vợ chồng mâu thuẫn không còn tình cảm ngày 16/02/2023 của chị Th được thôn trưởng và chính quyền địa phương cũng xác nhận vợ chồng chị Th, anh T có nhiều mâu thuẫn, cãi vã hiện đã sống ly thân.

Xét thấy tình trạng hôn nhân của chị Th và anh T đã đến mức mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn quan tâm, thương yêu, quý trọng, giúp đỡ nhau và không cùng chí hướng xây dựng gia đình nữa, đã sống ly thân nên yêu cầu ly hôn của chị Th là chính đáng và có cơ sở. Do đó, HĐXX cần cho chị Th được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của LHNGĐ.

*[4] Về nuôi con:*

Vợ chồng chị Th và anh T có 02 con chung là Trần Phạm Hà L, sinh ngày 03/3/2008 và Trần Mạnh Đ, sinh ngày 30/6/2013. Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án thì chị Th vẫn giữ quan điểm có nguyện vọng nuôi 02 con chung. Còn anh T không có ý kiến gì.

Tòa án cũng lấy ý kiến của con trên 07 tuổi là cháu Trần Phạm Hà L và Trần Mạnh Đ thì cháu L có nguyện vọng được ở với mẹ là chị Tho khi chị Th và anh T ly hôn, còn cháu Đ thì không muốn cha mẹ ly hôn và cũng không ký vào biên bản lấy ý kiến ngày 17/4/2023, nhưng cháu Đ còn nhỏ, hiện chị Th đang chăm sóc nuôi dạy, anh T không quan tâm đến con. Do đó, HĐXX thấy cần thiết giao cháu Trần Phạm Hà L và Trần Mạnh Đ cho chị Th được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

*[4] Về cấp dưỡng nuôi con:*

Trong quá trình giải quyết vụ án thì Tòa án đã giải thích về quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nhưng chị Th vẫn giữ nguyên quan điểm không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung, nên HĐXX không xem xét.

*[5] Về tài sản chung và thực hiện các nghĩa vụ chung về tài sản:*

Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

*[6] Về án phí:* Chị Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các Điều 4, 5, 6; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015,

- Căn cứ khoản 1 Điều 9, các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014,

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

#### **Tuyên xử:**

##### **1. Về hôn nhân:**

Chị Phạm Thị Th được ly hôn với anh Trần Văn T trước pháp luật.

##### **2. Về con chung:**

Giao con chung chưa thành niên là Trần Phạm Hà L, sinh ngày 03/3/2008 và Trần Mạnh Đ, sinh ngày 30/6/2013 cho chị Phạm Thị Th được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Anh Trần Văn T có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với chị Phạm Thị Tho.

Sau khi ly hôn anh Trần Văn T được quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Nếu anh Trần Văn T lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Chị Phạm Thị Th cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

##### **3. Về cấp dưỡng nuôi con:**

Anh Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

**4. Về tài sản chung và thực hiện các nghĩa vụ chung về tài sản:**

Các đương sự không yêu cầu do đó HĐXX không xem xét.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

**5. Về án phí:**

Chị Phạm Thị Th phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001835 ngày 16/02/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai. Chị Phạm Thị Th đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn chị Phạm Thị Th có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (09/8/2023), còn bị đơn anh Trần Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND t. Gia Lai;
- VKSND h. K;
- Chi cục THADS h. K;
- UBND xã U;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ/VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Đỗ Khắc Toàn**